

Bản án số: 17/2017/DS-PT

Ngày: 16-3-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng mua  
bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Hồng Vân.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Phấn.

Ông Lê Hồng Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản. Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2017/QĐ-PT, ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Lê Văn Ngh. Sinh năm 1977. Có mặt.

Trú tại: Xóm 10, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

**- Bị đơn:**

1. Anh Bùi Văn K. Sinh năm 1968. Vắng mặt

2. Chị Đinh Thị Ch. Sinh năm 1969. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm C, xã Q, Huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn Th. Sinh năm 1959. Có mặt.

Trú tại: Xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Quốc Th

- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư số 2 - Nghệ An, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.  
(Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2016 và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn Ngh trình bày:

Khoảng tháng 6 năm 2014 anh Ngh được anh K thuê đóng cửa và khung học cho nhà của vợ chồng anh K và chị Ch tại xóm C, xã Q. Hai bên có viết giấy đặt cửa do anh K ký tên vào bên A và đặt cọc số tiền 1.500.000 đồng và anh K nêu ra các kích thước cửa của nhà anh K, chị Ch và thỏa thuận giá cả của từng loại cửa. Khi anh K đặt cửa thì chỉ nói là làm bằng gỗ đôi, sến và de không thỏa thuận xuất xứ gỗ đó là của Việt Nam hay của Lào.

Đến cuối năm 2014 (al) thì anh Ngh thực hiện xong việc đóng cửa nhà và khung học cửa. Sau đó anh K và chị Ch có thuê anh Ngh làm thêm cầu thang nhà của công trình nhà. Đến tháng 4/2015 (al) thì lắp xong cầu thang. Trong quá trình đóng khung học cửa do thiếu gỗ sến anh Ngh hỏi anh K và được anh K đồng ý thay bằng gỗ sường vào làm khung học, và trong quá trình làm cầu thang có thay thế một đoạn tay vịn cầu thang bằng gỗ táu đã được anh K đồng ý.

Toàn bộ nguyên vật liệu là đồ gỗ do anh Ngh bỏ tiền ra mua. Tổng số tiền cửa và khung học cửa anh Ngh lắp cho anh K và chị Ch là 106.400.000 đồng. Sau khi đóng xong cửa và khung học cửa anh K và chị Ch trả cho anh Ngh số tiền 67.700.000 đồng. Còn lại số tiền 32.900.000 đồng chưa thanh toán hết. Anh Ngh và anh K, chị Ch tính toán số tiền làm cầu thang hết 17.100.000 đồng. Anh Ngh và anh K, chị Ch tính toán số tiền chưa thanh toán hết với nhau anh K và chị Ch còn nợ tiền cửa, khung học cửa và tiền cầu thang là 50.000.000đ.

Sau đó anh Ngh có yêu cầu anh K, chị Ch trả hết tiền nhiều lần thì anh K, chị Ch có trả thêm cho anh số tiền 1.000.000đ, ngày 26/11/2015 chị Ch trả 5.000.000đ, ngày 11/5/2016 chị Ch trả 5.000.000đ.

Tổng số tiền công trình đồ gỗ cửa, khung học cửa, cầu thang của nhà anh K theo đơn khởi kiện là do anh tính toán sai. Trong giấy trả tiền của anh K và chị Ch có trừ sai tiền nhưng anh Ngh không yêu cầu tính toán lại.

Nay anh K, chị Ch còn nợ số tiền đóng cửa, khung học cửa và cầu thang chưa thanh toán là 39.000.000 đồng. Anh Ngh yêu cầu anh K, chị Ch thanh toán số tiền còn thiếu là 39.000.000 đồng không yêu cầu lãi suất.

Tại bản khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Văn K và chị Đinh Thị Ch và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn Th thống nhất trình bày:

Năm 2014 anh Ngh có đóng cửa, khung học và cầu thang công trình nhà của anh K và chị Ch. Hai bên có viết giấy thỏa thuận về chủng loại gỗ, kích thước, giá thành và anh K đã đặt cọc cho anh Ngh số tiền 1.500.000 đồng. Đến tháng 10/2015 thì anh Ngh lắp hết công trình đồ gỗ gồm cửa, khung học cửa, cầu thang cho anh

K, chị Ch. Hai bên có thỏa thuận xuất xứ của gỗ nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau.

Sau khi làm xong cầu thang và tính tiền cửa và học thì còn 50.000.000 đồng chưa trả cho anh Ngh. Sau đó có trả cho anh Ngh một lần 1.000.000 đồng, ngày 26/11/2015 trả 5.000.000 đồng, ngày 11/5/2016 trả 5.000.000 đồng.

Hiện nay còn nợ anh Ngh số tiền chưa thanh toán hết là 39.000.000 (Ba chín triệu) đồng. Nay anh Ngh yêu cầu trả tiền chưa thanh toán hết thì anh K, chị Ch không nhất trí vì đồ gỗ anh Ngh làm đã bị hư hỏng, trụ cầu thang bị nứt, cầu thang làm không đúng chủng loại gỗ theo thỏa thuận, cửa bị cong vênh, co rút, khung học cửa có thanh làm bằng gỗ sừng không đúng theo thỏa thuận là làm bằng gỗ sến. Khi làm thỏa thuận miệng với nhau là làm bằng gỗ có xuất xứ Việt Nam nhưng anh Ngh làm gỗ có xuất xứ từ nước Lào.

Nay anh Ngh yêu cầu thanh toán hết số tiền 39.000.000 đồng thì anh K và chị Ch không nhất trí. Yêu cầu anh Ngh xuống sửa lại, thay thế gỗ theo đúng chủng loại theo thỏa thuận, thay mới trụ cầu thang, đo đạc lại kích thước để tính tiền.

Tại bản án số 08/2017/DS-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 428, Điều 438, Điều 440, Điều 445 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 12 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBNTQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Bùi Văn K, chị Đinh Thị Ch cùng phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền đóng cửa, khung học cửa và cầu thang còn thiếu cho anh Lê Văn Ngh là 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 08/8/2017, anh Bùi Văn K làm đơn kháng cáo với các nội dung sau:

1. Tòa án nhân dân huyện Q xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là sai. Đây là hợp đồng gia công.

2. Hiện nay đối tượng gia công là khung học, cánh cửa, cầu thang chưa được nghiệm thu, bàn giao, chưa lắp đặt hoàn chỉnh. Nghĩa là chưa được giao cho bên gia công, Tòa án buộc trả tiền là sai.

3. Khung học và cánh cửa mới lắp đã cong vênh, anh Ngh không xuống sửa, mà Tòa án buộc trả tiền là sai.

Anh Bùi Văn K đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy bản án sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Văn Th vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày giữa anh Ngh và anh K, chị Ch có hợp đồng gia công, nhưng chưa có sự nghiệm thu công trình, chất lượng không đảm bảo mà Tòa án

vẫn buộc trả tiền là không đúng, anh Ngh phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngh, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh K.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bị đơn, đối với nội dung anh K cho rằng Tòa án nhân dân huyện Q xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là sai, đây là hợp đồng gia công. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào khoảng tháng 6/2014 anh Ngh được anh K thuê đóng cửa và khung học cửa cho nhà vợ chồng anh K và chị Ch. Hai bên có viết giấy thỏa thuận về chủng loại gỗ, giá tiền của cửa và khung học cửa nhưng không ghi rõ xuất xứ gỗ. Toàn bộ nguyên vật liệu do anh Ngh bỏ tiền ra mua, tổng số tiền cửa và khung học cửa anh Ngh lắp cho anh K, chị Ch là 106.400.000 đồng. Sau nhiều lần thanh toán anh K, chị Ch còn nợ anh Ngh số tiền 39.000.000 đồng. Vì vậy, anh Ngh khởi kiện yêu cầu Kinh, chị Ch thanh toán số tiền trên. Như vậy, tranh chấp giữa anh Ngh với anh K, chị Ch về số tiền 39.000.000 đồng là có nguồn gốc từ giao dịch anh Ngh đóng cửa, khung học cửa, cầu thang cho anh K và chị Ch. Việc cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự, nên kháng cáo của anh K về việc xác định đây là hợp đồng gia công là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với nội dung anh K kháng cáo cho rằng hiện nay đối tượng gia công là khung học, cánh cửa, cầu thang chưa được nghiệm thu, bàn giao, chưa lắp đặt hoàn chỉnh mà Tòa án buộc anh trả tiền là sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thới cho rằng, số tiền 106.400.000 đồng là do hai bên áng chừng để tính chứ không có sự đo đạc cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về thời điểm anh Ngh bắt đầu nhận đóng cửa, khung học và cầu thang công trình nhà của anh K và chị Ch là năm 2014, và hoàn thành công việc vào 10/2015, sau khi lắp đặt xong thì anh K, chị Ch không có ý kiến gì, hai bên đã tính toán với nhau, anh K, chị Ch cũng đã đồng ý thanh toán tiền cho anh Ngh nhiều lần, lần sau cùng là ngày 11/5/2016 phản ánh tại giấy viết tay do chị Ch viết (BL 01). Như vậy, thể hiện hai bên đã có sự tính toán và chốt số tiền với nhau. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2018

phản ánh hệ thống khung học, cửa sổ, cầu thang và trụ cầu thang đã được làm hoàn chỉnh, đã phun sơn PU. Nên nội dung kháng cáo này của ông Phạm Văn Th không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc anh Bùi Văn K, chị Đinh Thị Ch cùng phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền đóng cửa, khung học cửa và cầu thang còn thiếu cho anh Lê Văn Ngh là 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng là có căn cứ. Cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh K.

[3] Ngoài ra, anh K còn kháng cáo cho rằng khung học và cánh cửa mới lắp đã cong vênh, anh Ngh không xuống sửa mà Tòa án buộc trả tiền là sai. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh K cho rằng tại bản hợp đồng giữa anh K và anh Ngh ghi rõ: Học sến 18 x 6 có nghĩa là khung học cửa ra vào rộng 18 cm, dày 6 cm; Học sến 16,5 x 6 có nghĩa là khung học cửa sổ rộng 16,5 cm, dày 6 cm; Nhưng tại biên bản thẩm định thể hiện: Khung học cửa ra vào dày 0,55 cm rộng 0,17 m, tức bề dày thiếu 5 cm, bề rộng thiếu 5 cm; Khung học cửa sổ rộng 16,5 cm, dày 5,5 cm tức bề dày thiếu 5 cm. Đối với nội dung này Hội đồng xét xử thấy rằng thời điểm cả hai bên thừa nhận đã hoàn thành công trình là tháng 10/2015, tại thời điểm đó anh K, chị Ch không có ý kiến gì, hai bên đã tính toán với nhau, anh K, chị Ch cũng đã đồng ý thanh toán tiền cho anh Ngh nhiều lần, lần sau cùng là ngày 11/5/2016, việc thẩm định được tiến hành vào tháng 01/2018. Đặc tính của gỗ là co rút theo thời tiết, nên việc một số cánh cửa bị hở, trụ cầu thang bị nứt, mặc dù ban đầu khi lắp đặt không có những hiện tượng trên, sau thời gian sử dụng mới có sự co rút, trụ cầu thang sau khi lắp và sử dụng một thời gian mới bị nứt. Mặt khác, trong giấy thỏa thuận của hai bên không có thỏa thuận về việc bảo hành, thời gian bảo hành và thời điểm chịu rủi ro về tài sản. Anh Ngh cũng không đồng ý với yêu cầu sửa chữa và thay thế trụ cầu thang của anh K và chị Ch, anh Ngh công nhận lúc đầu hai bên có thỏa thuận số đo như luật sư nêu ra, nhưng sau đó hai bên đã có sự điều chỉnh lại bằng miệng số đo học cửa là 16,5 x 6, anh Ngh có ký vào giấy và chấp nhận kích cỡ trên (thể hiện tại BL 49). Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các điều 440, 445 Bộ luật dân sự năm 2005 không chấp nhận yêu cầu thay thế trụ cầu thang và sửa chữa lại các cánh cửa của anh K và chị Ch là có căn cứ.

Lẽ ra, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung này của bị đơn, mà cần buộc anh K và chị Ch trả toàn bộ số tiền cho anh Ngh, nhưng xét thấy, tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2018 thể hiện công trình cầu thang, học cửa, cánh cửa... nhà anh K và chị Ch có sự xuống cấp, cần phải sửa chữa nên cần buộc anh Ngh hỗ trợ trích lại cho anh K và chị Ch số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng để sửa chữa, nâng cấp công trình là phù hợp.

Cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh K, cần sửa một phần bản án sơ thẩm như nội dung đã phân tích trên.

Về án phí: Kháng cáo của anh Bùi Văn K được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Bùi Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 428, Điều 438, Điều 440, Điều 445 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị Quyết 326/2016/NQ-UBNTQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Bùi Văn K, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc anh Bùi Văn K, chị Đinh Thị Ch cùng phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền đóng cửa, khung học cửa và cầu thang còn thiếu cho anh Lê Văn Ngh là 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Anh Bùi Văn K và chị Đinh Thị Ch phải chịu 1.600.000 (Một triệu sáu trăm năm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Anh Bùi Văn K không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Q, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0004706 ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Hoàn trả cho anh Lê Văn Ngh số tiền tạm ứng án phí là 975.000 (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Q, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0003005 ngày 20 tháng 10 năm 2016.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- Chi Cục THADS huyện Q.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Thị Hồng Vân**